

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 41/2017/HSST

Ngày 19/9/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lù Làn Din

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chúc

2. Ông Lưu Đức Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2017/HSST ngày 25/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lý Văn M; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 14/02/1982 . Tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện B, Lào Cai;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12;

Con ông Lý A S - sinh năm 1954 và bà Phàn Thị H - sinh năm 1956

Bố, mẹ cùng trú tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư;

Vợ: Tẩn Thị T - Sinh năm 1984 (Đã ly hôn năm 2013). Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007) cùng trú tại thôn N, xã C, huyện B, Lào Cai).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/4/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Họ và tên: Bàn Văn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16/6/1992. Tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn 3 V, xã T, huyện B, Lào Cai;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông Bàn Văn C - sinh năm 1972 và con bà Bàn Thị H- sinh năm 1973.

Bố, mẹ cùng trú tại: Thôn 3 V, xã T, huyện B, Lào Cai;

Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ: Bàn Thị K – Sinh năm 1994. Bị cáo có 02 con (Con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014), cùng trú tại Bản N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/4/2017, hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Họ và tên: Lò Láo L; Tên gọi khác: Hải; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 16/7/1987 . Tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

- ĐKHKT: Thôn V, xã T, huyện S, Lào Cai;

- Chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn V, xã T, huyện S, Lào Cai;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ;

Con ông Tẩn P M (Đã chết); Bố dượng: Lò Điều N - Sinh năm 1967; Mẹ đẻ: Tẩn Tả M – Sinh năm 1960, cùng trú tại thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ tư.

Vợ 1: Chảo Tả M – 1988 (ly hôn 2009) hiện trú tại thôn K, xã T, B, Lào Cai;

Vợ 2: Vàng Mùi L – 1992, trú tại thôn T 2, Thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014).

Cùng trú tại thôn T 2, Thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án:

+ Tại bản án số 25/HSST ngày 28/9/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/7/2010 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và thi hành xong khoản tiền án phí nhưng chưa thi hành khoản tiền trả cho anh Vầy, do đó bị cáo chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 56/2012/HSST ngày 19/11/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 23/8/2012 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và thi hành xong khoản tiền án phí nhưng

chưa thi hành khoản tiền trả cho anh Kiêm, do đó bị cáo chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 10/2017/HSST ngày 21/4/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 11 năm tù về tội “Mua bán người”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/11/2016, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn M và Lò Láo L: Bà Lê Họa T -** Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn Q: : Bà Trần Thị C - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, nhưng có gửi bản bào chữa cho bị cáo.

*** Những người bị hại:**

1. Đặng Thị Đ - Sinh ngày 30/01/1997.

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Lý Thị V - Sinh ngày 11/11/1990.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Lý Thị S – Sinh năm 1994

Trú tại: Thôn N I, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*** Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Đặng Văn B - Sinh năm 1967 và bà Giàng Thị C – Sinh năm 1969 (Là bố và mẹ đẻ của bị hại Đ).

Cùng trú tại thôn T, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Ông B có mặt (bà C ủy Q cho ông B tham gia tố tụng).

2. Anh Phàn A T – Sinh năm 1983 (Là chồng của bị hại V).

Trú tại Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt

3. Ông Lý Văn C - Sinh năm 1973 và bà Lý Thị C (Là bố và mẹ đẻ của bị hại S).

Trú tại: Thôn N I, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Ông C có mặt (bà C ủy Q cho ông C tham gia tố tụng).

Người phiên dịch: Ông Lý Văn T – Sinh năm 1974

Trú tại: Thôn 7, xã Đ, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Khoảng đầu năm 2015 M đi làm thuê bên Trung Quốc thì gặp và quen một người phụ nữ tên là P (người dân tộc Mông, sinh ra ở Việt Nam nhưng đã lấy chồng và sống ở Trung Quốc). P bảo M về Việt Nam tìm phụ nữ trẻ (dưới 30 tuổi) đưa sang Trung Quốc bán cho P, P sẽ mua với giá từ 15000 CNY đến

17000 CNY. M đồng ý, P và M đã cho nhau số điện thoại để tiện liên lạc. Cũng trong thời gian này M quen Quảng Thị T (SN 1994, trú tại B, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên). Lý Văn M và Lò Láo L có quan hệ tình cảm với hai người em gái của Bàn Văn Q (SN 1992, Trú quán: Thôn 3 V, xã T, huyện B, Lào Cai) nên M, Q, L quen biết nhau. Từ tháng 8/2016 đến tháng 11/2017 Lý Văn M, Bàn Văn Q và Lò Láo L đã cùng nhau thực hiện các lần lừa đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 8/2016, thông qua mạng xã hội Zalo, M quen biết Đặng Thị Đ (SN 1997, trú tại thôn T, xã N, huyện B, Lào Cai). Biết Đ đang có nhu cầu tìm việc làm nên M nói M đang là cai cửu vạn ở bến và hứa tìm việc làm cho Đ đồng thời hẹn gặp Đ tại thành phố Lào Cai, Đ đồng ý. Khoảng 3 đến 4 ngày sau Đ và M gặp nhau và cùng thuê một nhà nghỉ tại phường Phố Mới để ở chung sau đó chuyển đến nhà nghỉ Q Linh thuộc phường Phố Mới ở chung với Bàn Văn Q. Tại đây M đã rủ Q dụ dỗ đưa Đ sang Trung Quốc bán, Q đồng ý. M gọi điện thoại cho P nhưng không gọi được. Lý Văn M liền gọi điện thoại cho Lò Láo L hỏi L có biết người nào bên Trung Quốc muốn mua phụ nữ Việt Nam không thì L nói có biết và cho M số điện thoại của một người tên là S (*L quen biết S vì trong khoảng tháng 8/2016 L gặp S và được S cho số điện thoại, bảo L tìm phụ nữ Việt Nam khoảng dưới 30 tuổi đưa sang Trung Quốc bán cho S, S sẽ trả 14.000CNY/người*). Lý Văn M liền gọi điện thoại cho S thì S đồng ý mua Đ đồng thời hẹn nơi giao, nhận người tại biên giới đoạn đối diện thôn N, xã B, M. Do M không biết mặt của S nên đã tiếp tục gọi điện thoại rủ L cùng tham gia đưa Đ sang Trung Quốc bán cho S, khi bán được Đ thì M sẽ chia cho L, Q mỗi người hơn 10 triệu đồng, L đồng ý. Ngày hôm sau, L đi xe mô tô của L đến nhà nghỉ Q Linh đón Q, Đ, M đi ăn đêm tại khu vực gần chợ Cốc Lếu. Sau khi ăn xong, M rủ Đ cùng đi sang Trung Quốc để M lấy tiền công làm thuê nhưng thực chất là để lừa đưa Đ sang Trung Quốc bán, Đ đồng ý. L cùng Q đi xe máy về một nhà nghỉ ở khu vực phường Phố Mới cất xe sau đó đón xe taxi đi ra đầu cầu Cốc Lếu đón M, Đ. Cả bốn người đi taxi vào khu vực thôn N, xã B, M rồi lội suối sang Trung Quốc gặp S đi cùng một người phụ nữ. M, L, Q đã giao Đ cho hai người này và nhận số tiền 6.500CNY rồi về Việt Nam. M đã đổi số tiền này ra tiền Việt Nam rồi chia cho Q 3 triệu đồng, L 2 triệu đồng. Khoảng một tuần sau M được nhận nốt số tiền 7.500CNY, M đã chia tiếp cho Q 8 triệu đồng, chưa kịp đưa cho L số tiền còn lại thì L đã bị bắt trong vụ án khác.

Sau khi bị bán sang Trung Quốc, chị Đặng Thị Đ bị bán lại nhiều lần sau đó được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả về Việt Nam ngày 08/4/2017 qua đường tiểu ngạch thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Vụ thứ hai: Ngày 17/10/2016 Lý Văn M tiếp tục tìm kiếm phụ nữ để làm quen và lừa bán. Thông qua mạng xã hội Zalo, M làm quen được Lý Thị V (SN 1990, trú tại thôn N, xã B, huyện B, Lào Cai) đang điều trị bệnh tại Trung tâm Y

tế thành phố Lào Cai. Ngày hôm sau M hẹn gặp V. V than phiền chuyện gia đình M liền nảy sinh ý định lừa đưa V sang Trung Quốc bán. M giả vờ hỏi V đường đi sang Trung Quốc qua thôn N, xã B thì V nói là có biết. M liền rủ V cùng đi sang Trung Quốc lấy tiền công làm thuê, khi lấy được về sẽ cho V 5 triệu đồng, V đồng ý. Chiều tối ngày hôm sau M gọi điện thoại rủ V đi Trung Quốc, V đồng ý nên M gọi điện thoại cho P thông báo đã lừa được một phụ nữ để đưa sang Trung Quốc bán. Sau đó M vào nick Zalo của V tải ảnh của V về gửi cho P xem mặt và được P trả giá 12.000 CNY. M, P hẹn sẽ giao, nhận người tại khu vực biên giới Trung Quốc đoạn giáp thôn N, xã B, M. Sau đó M đón xe taxi đến khu vực Phòng khám đa khoa khu vực Cốc Lều đón V đi vào thôn N 4, xã B, huyện M. Tại đây V đã chỉ lối mòn đi sang Trung Quốc cách cột mốc 107 khoảng 800m nên M, V xuống trả tiền taxi rồi cùng nhau đi theo lối mòn sang Trung Quốc gặp P đi cùng hai người đàn ông đến đón. M giới thiệu với V ba người đó là bạn của M đến đón rồi bảo V lên xe đi cùng P và một người đàn ông còn M sẽ đi sau. P đã trả cho M 6.000CNY và hẹn khi nào bán được V sẽ trả tiếp số tiền còn lại. Sau khi M về Việt Nam, P thông báo cho M là do P bán V cho người khác không được giá cao nên P không trả thêm tiền cho M nữa.

Sau khi bị bán sang Trung Quốc, Lý Thị V bị bán lại nhiều lần và được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả về Việt Nam vào ngày 20/6/2017 qua đường tiểu ngạch thuộc tỉnh Quảng Ninh.

- Vụ thứ ba: Khoảng cuối tháng 10/2016, Lý Văn M, Bàn Văn Q đang ở cùng với Quàng Thị T tại nhà nghỉ K ở khu vực dốc K30, phường Phố Mới. Thời gian này Q hay nói chuyện qua mạng xã hội Zalo với Lý Thị S (SN 1994, trú tại thôn N I, xã N, huyện B, Lào Cai). Ngày 01/11/2016, Lý Thị S đi xe khách ra thành phố Lào Cai và gọi điện thoại cho Bàn Văn Q. Q đã đến đón S tại khu vực cầu chui, đường Quốc lộ 70 rồi đưa S về ở cùng tại nhà nghỉ K và gặp M, T. Biết S đang có nhu cầu tìm việc làm nên M nói dối M đang là chủ cai quân bốc vác ở bên Trung Quốc và rủ S sang làm cho M, công việc là ghi chép sổ sách, M sẽ trả lương cao, S đồng ý. M liền gọi điện thoại thông báo cho P việc đã lừa được phụ nữ để đưa sang Trung Quốc bán cho P đồng thời vào nick Zalo của S tải ảnh của S gửi cho P và được P trả giá mua S là 15000CNY. Sau đó M rủ Q cùng lừa đưa S sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau, Q đồng ý. Ngày 03/11/2017 M, Q thống nhất giả vờ rủ S cùng sang Trung Quốc lấy tiền công đồng thời dẫn S đi xem công việc luôn. Để tạo lòng tin cho S, M dặn T nói với S là T cũng sang Trung Quốc nhưng T sẽ đi qua Cửa khẩu quốc tế vì T có sổ thông hành. Sau đó M gọi điện cho P thì được P hẹn đến tối sẽ đón người tại biên giới Trung Quốc đoạn giáp N, B, M. Đến tối cùng ngày M rủ S sang Trung Quốc lấy tiền công làm thuê của M đồng thời dẫn S đi xem công việc, S đồng ý. Sau đó M bảo M sẽ đi trước xem công việc thế nào, M sẽ gọi xe ôm đón Q và S đi sau, gặp nhau tại N. M đi vào N trước và thuê xe ôm đến đón Q và S. Khoảng

30' sau có xe ôm đến đón Q, S vào đến thôn N gặp M. M, Q đưa S lội suối sang Trung Quốc gặp P đi cùng một người đàn ông. M, Q giao S cho hai người này và được P trả cho số tiền 7000CNY, hẹn khi nào bán được S sẽ trả nốt số tiền còn lại. Khoảng một tuần sau M sang Trung Quốc gặp P lấy nốt số tiền còn lại. Tổng số tiền bán S có được là 14000CNY, M đổi số tiền này ra tiền Việt Nam được 50.000.000đ và chia cho Q 14.000.000 đồng nhưng M đưa Q 10.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng M vay lại. Khi gặp lại T, M nói đã bán S và chia cho T 10.000.000 đồng (Bút lục 45, 50). Sau khi bị bán sang Trung Quốc, Lý Thị S bị bán lại nhiều lần, sau đó được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả về Việt Nam ngày 19/01/2017 qua được Cửa khẩu Quốc tế L.

Số tiền bán các bị cáo có được do bán các bị hại là tiền do phạm tội mà có, các bị cáo Bàn Văn Q, Lò Láo L đã tiêu xài cá nhân hết; bị cáo Lý Văn M đã dùng tiền do phạm tội phạm có mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime; 01 xe mô tô hiệu Wave α , biển kiểm soát 24B1 - 974.74 sau đó M bán lại chiếc xe này cho một người không quen biết tại huyện B, số tiền còn lại bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q, Lò Láo L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (BL33-54; 80-85B, 102-116).

Cáo trạng số 42/KSĐT ngày 24/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q về tội "Mua bán người" theo quy định tại Điều 119 khoản 2 điểm đ, g Bộ luật hình sự; Bị cáo Lò Láo L về tội "Mua bán người" theo quy định tại Điều 119 khoản 2 điểm đ Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q và Lò Láo L phạm tội "Mua bán người".

Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lý Văn M mức án từ 10 (Mười) năm đến 12 (Mười hai) năm tù.

- Xử phạt bị cáo Bàn Văn Q mức án từ 07 (bảy) năm đến 09 (Chín) năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự :

Xử phạt bị cáo Lò Láo L mức án từ 05 (năm) năm đến 07 (bảy) năm tù. Áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 bản án, tổng cộng hình phạt chung bị cáo L phải chấp hành là 17 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo không có tài sản gì.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng điều luật nhưng cho rằng bị cáo M có bố được tặng thưởng huân chương nhưng đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là không C xác và không có lợi cho bị cáo mà phải áp dụng điểm x Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 mới đúng. Đối với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc, bởi vì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng S vùng xa, tuổi đời còn rất trẻ, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo M và Q chưa có tiền án, tiền sự, quá trình khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lý Văn M mức án 09 (Chín) năm tù; Bàn Văn Q mức án 06 (sáu) năm tù; Lò Láo L mức án 05 (năm) năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo, bị cáo, những người bị hại và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q và Lò Láo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q, Lò Láo L là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2016 đến đầu tháng 11/2016 các bị cáo đã thực hiện 03 vụ lừa đưa 03 phụ nữ sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau tiêu sài. Trong đó bị cáo Lý Văn M thực hiện 03 vụ, bị cáo Bàn Văn Q thực hiện 02 vụ. Hành vi của bị cáo M và Q đã phạm vào tội “*Mua bán người*” với tình tiết định khung “*Để đưa ra nước ngoài*” và “*Phạm tội nhiều lần*”. Bị cáo Lò Láo L thực hiện 01 vụ nên đã phạm vào tội “*Mua bán người*” với tình tiết định khung “*Để đưa ra nước ngoài*”. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 119 khoản 2 điểm đ, g Bộ luật hình sự; Bị cáo Lò Láo L về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 119 khoản 2 điểm đ Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến Q tự do về thân thể, nhân phẩm và danh dự của con

người được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã coi con người như một thứ hàng hóa để mua bán, trao đổi. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích và mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn trong đó bị cáo Lý Văn M là người khởi xướng, chủ mưu và tham gia 03 vụ nên bị cáo M giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo Bàn Văn Q, Lò Láo L là người thực hành tích cực trong việc lừa các bị hại để đưa sang Trung Quốc bán, Q tham gia 02 vụ nên giữ vai trò thứ 2; L tham gia 01 vụ nên giữ vai trò thứ 03.

Tuy nhiên xét thấy: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa còn thấp, bị cáo L không được đi học nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo M và Q chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Lý Văn M có bố đẻ là Lý A Sửu có thành tích được tặng thưởng huân chương nên cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Lò Láo L đã có 03 tiền án, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó khi lượng hình cũng cần xem xét để cân nhắc mức án cho phù hợp đối với từng bị cáo theo đúng quy định của pháp luật để thể hiện C sách khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Tại bút lục số 32;101; biên bản xác M ngày 19 và ngày 28/7/2017 C Q địa phương cung cấp: Các bị cáo đều không có tài sản riêng và chung gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra bị cáo Lý Văn M còn khai nhận: Ngoài 03 lần lừa đưa phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán đã nêu ở trên thì khoảng tháng 11/2016 bị cáo cùng Quàng Thị T dụ dỗ, lừa gạt một phụ nữ không rõ lai lịch, địa chỉ sang Trung Quốc bán cho đối tượng tên là P với giá 12000CNY và chia nhau mỗi người được một nửa. Tuy nhiên, hiện Quàng Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa xác M được nhân thân, lai lịch của người bị hại. Do đó khi nào có đủ căn cứ sẽ đề cập xử lý sau.

Đối với người phụ nữ tên là P và người đàn ông có tên là S và những người đã tham gia việc mua bán Đặng Thị Đ, Lý Thị V và Lý Thị S, quá trình điều tra không xác định được địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra tiến hành phối hợp xác M nhưng không làm rõ được, nên không đề cập xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự:

Chị Đặng Thị Đ đề nghị các bị cáo phải bồi thường 30.000.000đ tiền danh dự nhân phẩm; 4.000.000đ tiền mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam

Sung Galaxy J5; 250.000 đồng tiền mua 01 chiếc nhẫn bạc; 7.200.000đ tiền mua 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ, là những tài sản Đặng Thị Đ bị mất trong quá trình bị các bị cáo đưa đi bán bên Trung Quốc.

Ông Đặng Văn B và bà Giàng Thị C (là bố, mẹ đẻ của chị Đ) yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 12.000.000đ và tiền chi phí đi tìm chị Đ là 20.000.000đ (BL 122-129).

Chị Lý Thị V yêu cầu bị cáo Lý Văn M bồi thường danh dự nhân phẩm với số tiền là 40.000.000đ.

Anh Phàn A T (*chồng chị V*) yêu cầu bị cáo M phải bồi thường tiền chi phí đi tìm chị V với số tiền là 30.000.000đ.

Chị Lý Thị S đề nghị các bị cáo bồi thường danh dự nhân phẩm với số tiền 100.000.000đ và tiền trị giá các tài sản đã bị mất gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung là 2.000.000đ và tiền mua 01 máy tính bảng trị giá 4.000.000đ; 01 lắc bằng bạc giá 500.000đ cùng một số quần áo và các dụng cụ sạc điện thoại và sạc máy tính bảng. Ông Lý Văn C và bà Lý Thị C (*Là bố, mẹ đẻ của chị S*) có yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 12.000.000đ và 7.290.000đ chi phí đi tìm chị S (BL148-153).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với khoản tiền các bị hại Đặng Thị Đ, Lý Thị V và Lý Thị S yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất về danh dự, nhân phẩm là C đáng, nhưng mức yêu cầu là quá cao, bởi vì tại khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "... Mức bồi thường bù đắp tổn thất và tinh thần là do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định".

Hiện nay theo quy định của nhà nước thì 01 tháng lương cơ sở là 1.300.000đ. Do vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của những người bị hại, buộc các bị cáo phải bồi thường cho mỗi bị hại số tiền tổn thất danh dự, nhân phẩm là 13.000.000đ.

Đối với yêu cầu của chị Đặng Thị Đ buộc các bị cáo phải trả 4.000.000đ tiền mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J5; 250.000đ tiền mua 01 chiếc nhẫn bạc; 7.200.000đ tiền mua 01 chiếc nhẫn vàng là những tài sản Đ bị mất trong quá trình bị mua, bán bên Trung Quốc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bút lục số 220 bị cáo M khai: Đ để quên ở phòng trọ 01 chiếc túi bên trong có 01 điện thoại Sam Sung, 01 nhẫn bạc và đồ dùng vặt của phụ nữ. Bị cáo M đã lấy chiếc nhẫn bạc bán được 80.000đ, các thứ khác M đã vứt xuống sông. Do đó cần phải buộc bị cáo M phải trả cho bị hại Đ 4.250.000đ tiền trị giá chiếc điện thoại và chiếc nhẫn bạc. Tại phiên tòa các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q và Lò Láo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ

quan điều tra cũng như lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q, Lò Láo L là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2016 đến đầu tháng 11/2016 các bị cáo đã thực hiện 03 vụ lừa đảo 03 phụ nữ sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau tiêu sài. Trong đó bị cáo Lý Văn M thực hiện 03 vụ, bị cáo Bàn Văn Q thực hiện 02 vụ. Hành vi của bị cáo M và Q đã phạm vào tội “*Mua bán người*” với tình tiết định khung “*Để đưa ra nước ngoài*” và “*Phạm tội nhiều lần*”. Bị cáo Lò Láo L thực hiện 01 vụ nên đã phạm vào tội “*Mua bán người*” với tình tiết định khung “*Để đưa ra nước ngoài*”. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q về tội "Mua bán người" theo quy định tại Điều 119 khoản 2 điểm đ, g Bộ luật hình sự; Bị cáo Lò Láo L về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 119 khoản 2 điểm đ Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến Q tự do về thân thể, nhân phẩm và danh dự của con người được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã coi con người như một thứ hàng hóa để mua bán, trao đổi. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích và mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn trong đó bị cáo Lý Văn M là người khởi xướng, chủ mưu và tham gia 03 vụ nên bị cáo M giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo Bàn Văn Q, Lò Láo L là người thực hành tích cực trong việc lừa các bị hại để đưa sang Trung Quốc bán, Q tham gia 02 vụ nên giữ vai trò thứ 2; L tham gia 01 vụ nên giữ vai trò thứ 03.

Tuy nhiên xét thấy: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa còn thấp, bị cáo L không được đi học nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo M và Q chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Lý Văn M có bố đẻ là Lý A Sừu có thành tích được tặng thưởng huân chương nên cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Lò Láo L đã có 03 tiền án, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó khi lượng hình cũng cần xem xét để cân nhắc mức án cho phù hợp đối với từng bị cáo theo đúng quy định của pháp luật để thể hiện C sách khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Tại bút lục số 32;101; biên bản xác M ngày 19 và ngày 28/7/2017 C Q địa phương cung cấp: Các bị cáo đều không có tài sản riêng và chung gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra bị cáo Lý Văn M còn khai nhận: Ngoài 03 lần lừa đưa phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán đã nêu ở trên thì khoảng tháng 11/2016 bị cáo cùng Quàng Thị T dụ dỗ, lừa gạt một phụ nữ không rõ lai lịch, địa chỉ sang Trung Quốc bán cho đối tượng tên là P với giá 12000CNY và chia nhau mỗi người được một nửa. Tuy nhiên, hiện Quàng Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa xác M được nhân thân, lai lịch của người bị hại. Do đó khi nào có đủ căn cứ sẽ đề cập xử lý sau.

Đối với người phụ nữ tên là P và người đàn ông có tên là S và những người đã tham gia việc mua bán Đặng Thị Đ, Lý Thị V và Lý Thị S, quá trình điều tra không xác định được địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra tiến hành phối hợp xác M nhưng không làm rõ được, nên không đề cập xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự:

Chị Đặng Thị Đ đề nghị các bị cáo phải bồi thường 30.000.000đ tiền danh dự nhân phẩm; 4.000.000đ tiền mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J5; 250.000 đồng tiền mua 01 chiếc nhẫn bạc; 7.200.000đ tiền mua 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ, là những tài sản Đặng Thị Đ bị mất trong quá trình bị các bị cáo đưa đi bán bên Trung Quốc.

Ông Đặng Văn B và bà Giàng Thị C (là bố, mẹ đẻ của chị Đ) yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 12.000.000đ và tiền chi phí đi tìm chị Đ là 20.000.000đ (BL 122-129).

Chị Lý Thị V yêu cầu bị cáo Lý Văn M bồi thường danh dự nhân phẩm với số tiền là 40.000.000đ.

Anh Phàn A T (*chồng chị V*) yêu cầu bị cáo M phải bồi thường tiền chi phí đi tìm chị V với số tiền là 30.000.000đ.

Chị Lý Thị S đề nghị các bị cáo bồi thường danh dự nhân phẩm với số tiền 100.000.000đ và tiền trị giá các tài sản đã bị mất gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung là 2.000.000đ và tiền mua 01 máy tính bảng trị giá 4.000.000đ; 01 lắc bằng bạc giá 500.000đ cùng một số quần áo và các dụng cụ sạc điện thoại và sạc máy tính bảng. Ông Lý Văn C và bà Lý Thị C (*Là bố, mẹ đẻ của chị S*) có yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 12.000.000đ và 7.290.000đ chi phí đi tìm chị S (BL148-153).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với khoản tiền các bị hại Đặng Thị Đ, Lý Thị V và Lý Thị S yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất về danh dự, nhân phẩm là C đáng, nhưng mức yêu cầu là quá cao, bởi vì tại khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "... Mức bồi thường bù đắp tổn thất và tinh thần là do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân

phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”.

Hiện nay theo quy định của nhà nước thì 01 tháng lương cơ sở là 1.300.000đ. Do vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của những người bị hại, buộc các bị cáo phải bồi thường cho mỗi bị hại số tiền tổn thất danh dự, nhân phẩm là 13.000.000đ.

Đối với yêu cầu của chị Đặng Thị Đ buộc các bị cáo phải trả 4.000.000đ tiền mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J5; 250.000đ tiền mua 01 chiếc nhẫn bạc; 7.200.000đ tiền mua 01 chiếc nhẫn vàng là những tài sản Đ bị mất trong quá trình bị mua, bán bên Trung Quốc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bút lục số 220 bị cáo M khai: Đ để quên ở phòng trọ 01 chiếc túi bên trong có 01 điện thoại Sam Sung, 01 nhẫn bạc và đồ dùng lặt vặt của phụ nữ. Bị cáo M đã lấy chiếc nhẫn bạc bán được 80.000đ, các thứ khác M đã vứt xuống sông. Do đó cần phải buộc bị cáo M phải trả cho bị hại Đ 4.250.000đ tiền trị giá chiếc điện thoại và chiếc nhẫn bạc. Còn những yêu cầu khác là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bị hại Lý Thị S về các tài sản đã bị mất gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung là 2.000.000đ và tiền mua 01 máy tính bảng trị giá 4.000.000đ; 01 lắc bằng bạc trị giá 500.000đ cùng một số quần áo và các dụng cụ sạc điện thoại và sạc máy tính bảng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bút lục số 54 bị cáo M thừa nhận có lấy của Lý Thị S 01 chiếc điện thoại nhưng hiện nay đã bị hỏng. Do vậy cần buộc bị cáo M phải trả cho bị hại S 2.000.000đ tiền trị giá chiếc điện thoại.

Tại bút lục 221 bị cáo Bàn Văn Q thừa nhận có lấy của Lý Thị S 01 chiếc máy tính bảng, nhưng hiện nay Q đã làm hỏng. Do vậy cần buộc bị cáo Q phải trả cho bị hại S 4.000.000đ tiền trị giá chiếc máy tính bảng. Còn những yêu cầu khác là không có căn cứ chấp nhận.

Riêng đối với yêu cầu của những người đại diện theo ủy Q: Ông Đặng Văn B và ông Lý Văn C mỗi người yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần là 12.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận bởi vì theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật dân sự thì khoản tiền tổn thất tinh thần phải bồi thường trực tiếp cho người bị xâm phạm. Do vậy, trong trường hợp này thì người bị xâm phạm là chị Đ và chị S.

Đối với khoản tiền chi phí đi tìm các bị hại: Ông Đặng Văn B và anh Phàn A T yêu cầu mức bồi thường 30.000.000đ là quá cao. Ông B và anh T đưa ra chứng M nhưng và không phù hợp với thực tế nên chỉ chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường cho mỗi người số tiền là 15.000.000đ; Ông Lý Văn C yêu cầu bồi thường 7.290.000đ là phù hợp nên chấp nhận toàn bộ.

Toàn bộ số tiền những người bị hại và những người có Quyền lợi liên quan yêu cầu sẽ buộc các bị cáo phải bồi thường căn cứ theo vai trò của từng bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/8/2017 giữa cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai gồm có: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime, màu đồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, kèm theo sim Viettel, không kiểm tra chi tiết bên trong. Chiếc điện thoại đó bị cáo M đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, đối với số tiền các bị cáo bán các bị hại gồm:

Số tiền bán bị hại Đ được 14000NDT, nhưng bị cáo M khai không nhớ đã đổi được bao nhiêu tiền Việt Nam.

Căn cứ vào biên bản ngày 24/5/2017 (Bút lục số 06) do Ngân hàng cung cấp thì tại thời điểm đó thì 01 nhân dân tệ giá mua vào là 3.335đ. Do vậy $14000\text{NDT} \times 3.335\text{đ} = 46.690.000\text{VNĐ}$, số tiền này M đã chia cho Bàn Văn Q 11.000.000đ và L 2.000.000đ, số còn lại là M giữ là 33.690.000đ.

Số tiền bán bị hại V là 6000NDT, bị cáo M khai không nhớ đã đổi được bao nhiêu tiền Việt Nam.

Căn cứ vào biên bản ngày 24/5/2017 (Bút lục số 06) do Ngân hàng cung cấp thì tại thời điểm đó thì 01 nhân dân tệ giá mua vào là 3336đ. Do vậy $6000\text{NDT} \times 3336\text{đ} = 20.016.000\text{đ}$, số tiền này là do một mình M được hưởng.

Số tiền bán bị hại S được 14000NDT, bị cáo M khai đã đổi được 50.000.000đ tiền Việt Nam và M đã chia cho Bàn Văn Q và Quảng Thị T mỗi người 10.000.000đ nhưng hiện nay T đã bỏ trốn, số còn lại là 30.000.000đ M giữ (Bút lục số 45).

Như vậy tổng số tiền do bán các bị hại Lý Văn M được chia là 83.706.000đ (Tám mươi ba triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) trong đó M đã sử dụng 6.200.000đ để mua chiếc điện thoại hiện đang bị cơ quan điều tra thu giữ (Bút lục 42), do vậy cần được khấu trừ cho bị cáo khoản tiền này; Bàn Văn Q được 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); Lò Láo L được 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Toàn bộ số tiền các bị cáo có được đều là do phạm tội mà có, hiện nay các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên theo quy định của pháp luật thì cần phải truy thu của các bị cáo để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Lý Văn M, Bàn Văn Q và Lò Láo L phạm tội: “Mua bán người”.

2. Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày

20/6/2017; Khoản 3 Điều 7; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lý Văn M mức án 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/4/2017.

- Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự :

Xử phạt bị cáo Bàn Văn Q mức án 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/4/2017.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự :

Xử phạt bị cáo Lò Láo L mức án 06 (Sáu) năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai bản án, tổng cộng hình phạt chung bị cáo Lò Láo L phải chấp hành là 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/11/2016.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 587 và Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q và Lò Láo L phải liên đới bồi thường tiền danh dự, nhân phẩm cho người bị hại Đặng Thị Đ số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) và bồi thường tiền chi phí đi tìm người bị hại Đ cho ông Đặng Văn B và bà Giảng Thị C mỗi người 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng các bị cáo phải bồi thường cả hai khoản tiền là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng). Phần cụ thể: Lý Văn M 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng); Bàn Văn Q 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và Lò Láo L 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lý Văn M phải bồi thường cho chị Đặng Thị Đ 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền trị giá tài sản bị mất.

Buộc bị cáo Lý Văn M phải bồi thường 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) tiền danh dự, nhân phẩm cho bị hại Lý Thị V và bồi thường cho anh Phan A T 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền chi phí đi tìm bị hại V. Tổng cộng bị cáo M phải bồi thường cả 02 khoản tiền là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Buộc các bị cáo Lý Văn M và Bàn Văn Q phải liên đới bồi thường cho bị hại Lý Thị S: 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) tiền danh dự, nhân phẩm và Bồi thường ông Lý Văn C và bà Lý Thị C mỗi người 3.645.000đ (Ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí đi tìm bị hại S . Tổng cộng các bị cáo phải bồi thường cả 02 khoản tiền là 20.290.000đ (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng). Phần cụ thể: Lý Văn M phải bồi thường số tiền là 12.290.000đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng); Bàn Văn Q 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Lý Văn M phải bồi thường cho Lý Thị S 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền trị giá 01 chiếc điện thoại Samsung bị mất;

Bàn Văn Q phải trả cho bị hại Lý Thị S 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền trị giá của 01 chiếc máy tính bảng bị mất.

Tổng cộng mỗi bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan tổng số tiền là: Lý Văn M 59.540.000đ (Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng); Bàn Văn Q 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) và Lò Láo L 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước của Lý Văn M: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu đồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, kèm theo sim Viettel, không kiểm tra chi tiết bên trong. *(Các vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2017).*

Truy thu của các bị cáo để sung quỹ nhà nước đối với số tiền do phạm tội mà có cụ thể như sau: Lý Văn M số tiền 77.506.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng); Bàn Văn Q 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); Lò Láo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Buộc các bị cáo Lý Văn M, Bàn Văn Q và Lò Láo L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: Lý Văn M 2.977.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); Bàn Văn Q 975.000đ (Chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) và Lò Láo L 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu cả 02 loại tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm là: Lý Văn M 3.177.000đ (Ba triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); Bàn Văn Q 1.175.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và Lò Láo L 575.000đ (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo, những người bị hại, những người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao 1;
- VKSND tỉnh Lào Cai 2;
- Công an tỉnh 1;
- Bị cáo 3; BH 3;
- Trại giam 1; NLQ3;
- NBC 2;
- THA 5; STP 1;
- Lưu HS 02.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lù Làn Din